

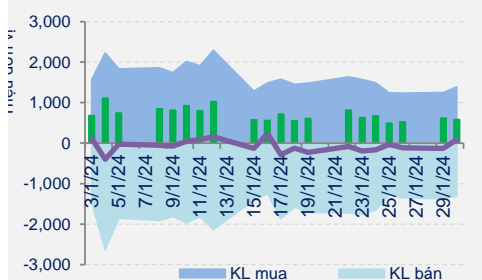
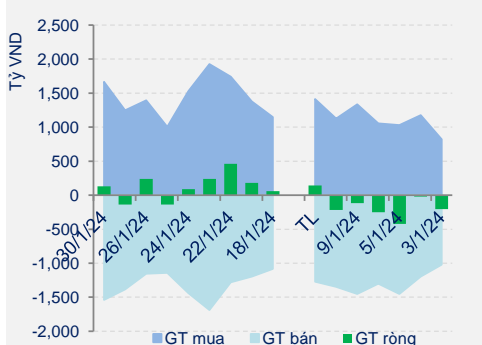
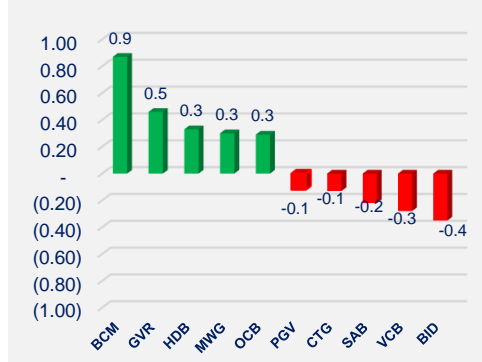
# MARKET LENS

30/1/2024

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

| Thông kê thị trường | HOSE          | HNX         |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index               | 1,179.65      | 230.66      |
| % Thay đổi          | ↑ 0.34%       | ↑ 0.70%     |
| KLGD (CP)           | 578,436,173   | 59,652,414  |
| GTGD (tỷ đồng)      | 13,714.48     | 1,260.32    |
| Tổng cung (CP)      | 1,303,133,846 | 123,181,100 |
| Tổng cầu (CP)       | 1,388,184,652 | 99,601,600  |

| Giao dịch NĐTNN   | HOSE       | HNX       |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP)       | 49,483,006 | 1,158,688 |
| KL mua (CP)       | 59,367,245 | 2,502,889 |
| GT mua (tỷ đồng)  | 1,667.38   | 77.85     |
| GT bán (tỷ đồng)  | 1,537.93   | 23.86     |
| GT ròng (tỷ đồng) | 129.44     | 53.99     |

**Tương quan cung cầu** HOSE

**Giá trị Giao dịch NĐTNN** HOSE

**Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX**


VN-INDEX tiếp tục tăng điểm với diễn biến tích cực hơn trong phiên hôm nay khi kết phiên tăng 3,96 điểm (+0,34%) lên mức 1.179,65 điểm để hướng đến vùng giá cao nhất ngày 22/01/2024 tương ứng quanh 1.185 điểm, đây cũng là vùng giá kháng cự của đường xu hướng giảm giá trung dài hạn kéo dài nổi từ vùng đỉnh 1.500 điểm tháng 04/2022 đến nay. HNX-INDEX tăng 1,62 điểm (+0,71%) lên mức 230,66 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết tích cực trở lại với lực cầu giá lên gia tăng tốt khi có 356 mã tăng giá (17 mã tăng trần), 246 mã giảm giá (05 mã giảm sàn) và 182 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 14.850,9 tỉ đồng được giao dịch, giảm nhẹ 2,08% so với phiên trước, dưới mức trung bình. Mức độ phân hóa trên sàn diễn ra mạnh, dòng tiền ngắn hạn vẫn luân chuyển trong từng nhóm mã, tập trung gia tăng tích cực vào các mã cơ bản tốt, có kết quả kinh doanh quý IV/2023 tăng trưởng. Khối ngoại giảm tỉ trọng giao dịch, mua ròng với giá trị 129,44 tỉ đồng, mua ròng ở nhóm thép, ngân hàng; mua ròng tốt trở lại trên HNX với giá trị 53,99 tỉ đồng.

Theo Tổng cục Thống kê, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 01/2024 ước đạt 31,1 nghìn tỷ đồng, bằng 4,4% kế hoạch năm và tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 lần lượt bằng 3,8% và tăng 5,6%). Tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/01/2024 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 2,36 tỷ USD, tăng 40,2% so với cùng kỳ năm trước. Vốn FDI thực hiện tháng 01/2024 ước đạt 1,48 tỷ USD, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư nước ngoài gia tăng tốt là động lực hỗ trợ cho nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp tiếp tục duy trì diễn biến tích cực, nhiều mã tiếp tục tăng giá mạnh so với thị trường chung, thanh khoản gia tăng đột biến, nổi bật ở các mã có kết quả kinh doanh quý IV tích cực như DTD (+7,34%), BCM (+5,15%), IDC (+4,68%), LHG (+3,34%), SZC (+3,12%).... Nhóm cổ phiếu xây lắp, vật liệu xây dựng cũng có diễn biến tích cực, tăng giá mạnh, thanh khoản gia tăng đột biến trước những kỳ vọng về đầu tư công như TV2 (+6,92%), PC1 (+6,77%), KSB (+4,83%), DHA (+2,61%), VCG (+1,79%)....

Trong khi đó các cổ phiếu ngân hàng vẫn phân hóa đa số biến động nhẹ, duy trì tích lũy sau giai đoạn tăng giá tốt với VAB (+5,71%), OCB (+3,73%), HDB (+2,10%)... BID (-0,51%), CTG (-0,31%)... Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng có diễn biến phân hóa, thanh khoản giảm với mức độ phục hồi tích cực hơn vào cuối phiên như HCM (+1,89%), CTS (+1,39%), MBS (+1,22%)... TVB (-3,12%), TCI (-2,73%)....

Các cổ phiếu bất động sản bắt đầu có diễn biến tích cực hơn với lực cầu giá lên gia tăng tốt hơn ở nhiều mã, thanh khoản gia tăng tốt vượt mức trung bình, nổi bật như IJC (+4,83%), HDG (+1,34%), TCH (+1,12%)... ngoài các mã giảm giá với HD6 (-6,00%), NRC (-2,08%), HAR (-1,17%)....

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2402 tăng 2,4 điểm (+0,20%) chênh lệch dương 4,29 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tiếp tục giảm mạnh 28,86% so với phiên trước, dưới mức trung bình cho thấy mức độ đầu cơ trong phiên giảm mạnh. VN30F2402 duy trì xu hướng tăng trưởng ngắn hạn trên vùng hỗ trợ quanh 1.175 điểm - 1.180 điểm, vùng kháng cự gần nhất 1.185 - 1.190 điểm. Các kỳ hạn VN30F2403, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ 4,29 điểm đến 0,29 điểm so với VN30. Mức chênh lệch thu hẹp, 04 kỳ hạn chênh lệch dương, cho thấy các trader vẫn khá lạc quan với xu hướng ngắn hạn của VN30, ưu tiên các vị thế mua ngắn hạn và có thể dịch chuyển sang thị trường cơ sở khi thị trường cơ sở đang duy trì nhiều cơ hội sinh lợi tốt ngắn hạn.

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG**


Vn-Index tăng điểm nhẹ nhưng cho thấy đà tăng ngắn hạn vẫn tiếp tục duy trì. Chốt phiên Vn-Index tăng +3,96 điểm (+0,34%) và đóng cửa ở 1.179,65 điểm. Trong ngắn hạn VnIndex đang trong nhịp tăng như chúng tôi thường xuyên đề cập, với ngưỡng kháng cự là quanh 1.185 điểm (giá cao nhất ngày 22/01/2024 và cũng là vùng hội tụ của đường xu hướng giảm giá trung dài hạn kéo dài nổi từ vùng đỉnh 1.500 điểm tháng 04/2022 đến nay). Chúng tôi vẫn kỳ vọng chỉ số sẽ sớm vượt qua ngưỡng nói trên để tiến tới ngưỡng kháng cự tâm lý 1.200 điểm.

Về góc nhìn trung hạn, sau giai đoạn thị trường giảm sâu năm 2022 thị trường đang vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại trước khi kỳ vọng vào xu hướng tăng trưởng mới. Với những vận động của Vn-Index trong thời gian qua xác nhận Vn-Index đang trong nhịp tăng đầu tiên của kênh tích lũy rộng trung hạn 1.150 điểm - 1.250 điểm. Các dữ liệu vĩ mô trong nước của tháng 1/2024 mới công bố đều cho thấy các tín hiệu khá tích cực, tuy nhiên hoạt động chung của các doanh nghiệp và những khó khăn đối với thị trường BĐS và thị trường trái phiếu sẽ cần thêm nhiều thời gian để phục hồi. Trong bối cảnh đó, việc thị trường hướng tới vận động tìm điểm cân bằng lại để tích lũy là phù hợp.

Thị trường duy trì vận động tích cực, nhà đầu tư ngắn hạn vẫn có thể giải ngân vào các mã kỳ vọng có sự tăng trưởng trong mùa báo cáo tài chính trong các phiên điều chỉnh với kỳ vọng VnIndex sẽ có đợt tăng mới tích cực. Nhà đầu tư trung, dài hạn có thể tiếp tục chiến lược mua tích lũy dần trong các nhịp điều chỉnh vì thị trường sẽ cần thêm nhiều thời gian để tích lũy và hình thành uptrend mới.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

30/1/2024

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

| Mã  | Giá hiện tại<br>(1.000đ) | Vùng mua<br>dự kiến<br>(1.000 đ) | Giá mục tiêu<br>(1.000 đ) | Giá dừng lỗ<br>(1.000đ) | Thông số cơ bản |                       |                       | Điều kiện giải ngân |
|-----|--------------------------|----------------------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|---------------------|
|     |                          |                                  |                           |                         | P/E             | T.trường<br>Doanh thu | T.trường<br>Lợi nhuận |                     |
| DPM | 33.50                    | 31-33                            | 38-39                     | 29                      | 8.3             | -17.2%                | -93.6%                | Theo dõi giải ngân  |

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

| Ngày mở vị<br>thế | Mã  | Giá hiện tại<br>(1.000đ) | Giá mua<br>(1.000đ) | Giá mục tiêu<br>(1.000 đ) | Giá dừng<br>lỗ<br>(1.000đ) | Hiệu quả đầu<br>tur (%) | Cập nhật Vị thế/trạng thái |
|-------------------|-----|--------------------------|---------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------|----------------------------|
| 1/11/2023         | BVS | 26.20                    | 22.3                | 28-28.5                   | 25                         | 17.5%                   | Nắm giữ                    |
| 8/11/2023         | PHR | 51.50                    | 45.1                | 52-53                     | 50                         | 14.2%                   | Nắm giữ                    |
| 20/12/2023        | PVD | 27.95                    | 27.55               | 30-31                     | 26.5                       | 1.5%                    | Nắm giữ                    |
| 27/12/2023        | TNH | 19.20                    | 18.09               | 23-24                     | 19                         | 6.1%                    | Nắm giữ                    |

**TIN VĨ MÔ****Nợ công cách xa mức trần, cơ cấu nợ chuyển biến tích cực**

Trong bối cảnh nợ công toàn cầu cao kỷ lục, quy mô nợ công Việt Nam đến cuối năm 2023 khoảng 37% GDP, nợ Chính phủ khoảng 34% GDP và cách xa mức trần Quốc hội đề ra. Cơ cấu nợ cũng dịch chuyển theo hướng tích cực khi dư nợ trong nước tăng lên, chiếm khoảng 71% dư nợ Chính phủ... Thông tin từ Bộ Tài chính cho thấy nợ công của Việt Nam năm 2023 ở mức bền vững, ổn định. Mức dư nợ này thấp hơn nhiều so với mức trung bình năm 2023 của các quốc gia có mức xếp hạng tín nhiệm BB là 52,8% GDP và BBB là 54,9% GDP.

**Hà Nội kiểm tra việc xử lý vi phạm hành chính về đất đai tại 5 huyện**

Theo kế hoạch kiểm tra việc thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực đất đai do UBND TP.Hà Nội vừa ban hành, UBND Thành phố sẽ thực hiện kiểm tra UBND các huyện: Hoài Đức, Ba Vì, Phú Xuyên, Mê Linh, Gia Lâm và UBND xã, thị trấn thuộc các huyện nêu trên trong thời gian từ quý 1 đến quý 3/2024... Mục đích của kế hoạch nhằm xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực đất đai tại một số huyện trên địa bàn thành phố; phát hiện những hạn chế, vướng mắc, bất cập, sai sót để kịp thời chấn chỉnh, xử lý, khắc phục.

**Phần đầu đưa kim ngạch thương mại Việt Nam và Philippines lên 10 tỷ USD vào năm 2025**

Đây là mục tiêu được Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính và Tổng thống Philippines Ferdinand Romualdez Marcos Jr. tại buổi tiếp nhân chuyến thăm cấp nhà nước của Tổng thống tới Việt Nam... Tại buổi tiếp, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính hoan nghênh Tổng thống Marcos Jr. lần đầu tiên thăm cấp Nhà nước và ngay trước thềm Tết cổ truyền của Việt Nam, góp phần thúc đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác nhiều mặt Việt Nam-Philippines.

**Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước tháng 1/2024 ước đạt 31,1 nghìn tỷ đồng**

Theo hình tình kinh tế - xã hội tháng 01/2024: Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 01/2024 ước đạt 31,1 nghìn tỷ đồng, bằng 4,4% kế hoạch năm và tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 bằng 3,8% và tăng 5,6%). Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/01/2024 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 2,36 tỷ USD, tăng 40,2% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam tháng 01/2024 ước đạt 1,48 tỷ USD, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước.

**TIN DOANH NGHIỆP****Đề xuất mở cơ chế cho ACV có tiền xây sân bay Long Thành**

Bộ Tài chính đề xuất sửa Nghị định về ACV tăng vốn nhờ chia cổ tức bằng cổ phiếu, giúp thực hiện các dự án sân bay trọng điểm. Tại dự thảo sửa đổi, bổ sung Nghị định 140 năm 2020, Bộ Tài chính đề xuất doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn được chia phần lợi nhuận còn lại cho cổ đông bằng cổ phiếu, thay vì tiền mặt như hiện tại. Trả cổ tức bằng cổ phiếu chỉ được áp dụng với công ty cổ phần thực hiện các dự án quan trọng quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Thủ tướng chấp thuận. Đề xuất này được Bộ Tài chính đưa ra nhằm giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn cho trường hợp của Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV), theo yêu cầu của Phó thủ tướng Lê Minh Khái tại thông báo cuối năm 2023.

**REE gán lãi vay gần nghìn tỷ, lãi ròng cả năm còn gần 2.200 tỷ đồng**

Mảng cơ điện lạnh lần đầu thua lỗ và hụt thu từ các công ty thủy điện khiến lợi nhuận quý cuối năm của REE giảm 1/3 so với cùng kỳ còn 643 tỷ đồng. Công ty cổ phần Cơ điện lạnh (Mã: REE) vừa công bố báo cáo tài chính quý IV/2023 với doanh thu thuần giảm 33% so với cùng kỳ về 2.065 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp theo đó giảm 32% về còn 922 tỷ đồng, nhưng biên lãi gộp vẫn duy trì mức gần 45%. Cụ thể, lợi nhuận mảng cơ điện lạnh sụt giảm mạnh đến 118 tỷ đồng, chủ yếu do phát sinh chi phí dự phòng lên đến gần 200 tỷ đồng trong cuối năm, làm kết quả của mảng này chuyển từ lãi 42 tỷ cùng kỳ thành lần đầu tiên lỗ 76 tỷ đồng.

**Vinhomes lãi 33.000 tỷ đồng năm 2023**

Năm 2023, doanh thu thuần của Vincom Retail đạt 9.791 tỷ đồng, tăng trưởng 33,0% so với năm 2022. Cụ thể, trong Quý IV, Vincom Retail đã hoàn tất bàn giao 54 căn nhà phố thương mại tại dự án Quảng Trị và các dự án khác cho khách hàng với doanh thu 267 tỷ đồng, tăng 75,9% so với cùng kỳ năm trước và doanh thu khác tăng hơn 3,6 lần so với cùng kỳ năm trước. Với kết quả này, Vincom Retail ghi nhận 1.067 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế hợp nhất trong quý cuối năm 2023, tăng 28,3% so với cùng kỳ năm trước.

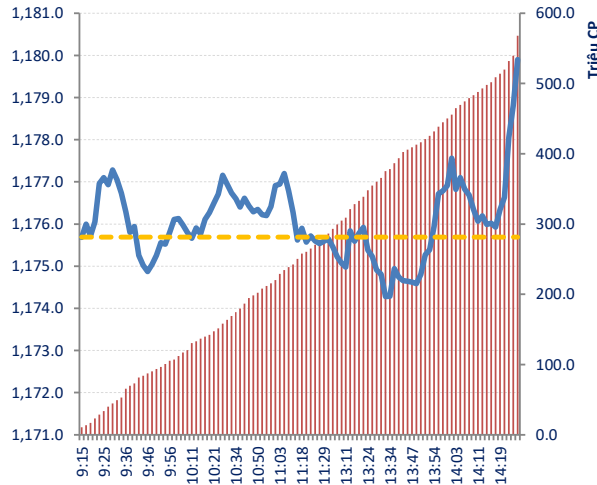
**Becamex IDC lãi ròng hơn 2.440 tỷ trong năm 2023, phải thu nhóm CapitaLand gần 2.780 tỷ**

Lợi nhuận trong năm 2023 của Becamex IDC được đóng góp tích cực từ thương vụ chuyển nhượng đất cho đối tác CapitaLand. Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (Becamex IDC, Mã: BCM) vừa công bố kết quả kinh doanh năm 2023 với doanh thu thuần đạt trên 8.070 tỷ đồng và lãi ròng 2.441 tỷ đồng, lần lượt tăng 23% và 43,6% so với năm trước đó. Riêng trong quý cuối năm, Becamex IDC đạt gần 5.060 tỷ đồng doanh thu thuần và trên 2.051 tỷ đồng lãi ròng, cao gấp 6 lần doanh thu và gấp 36 lần về lợi nhuận so với cùng kỳ năm ngoái.

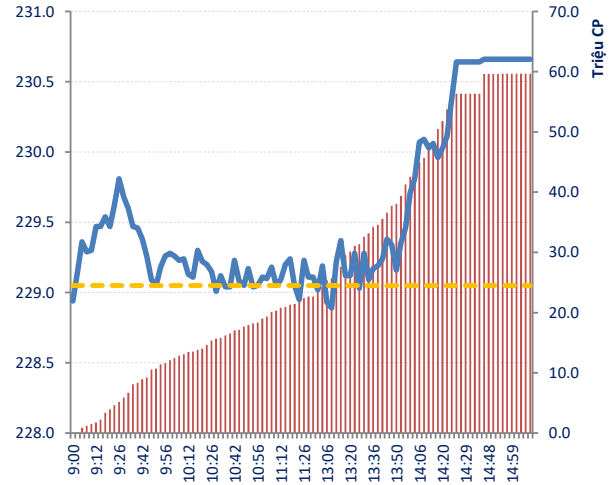


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

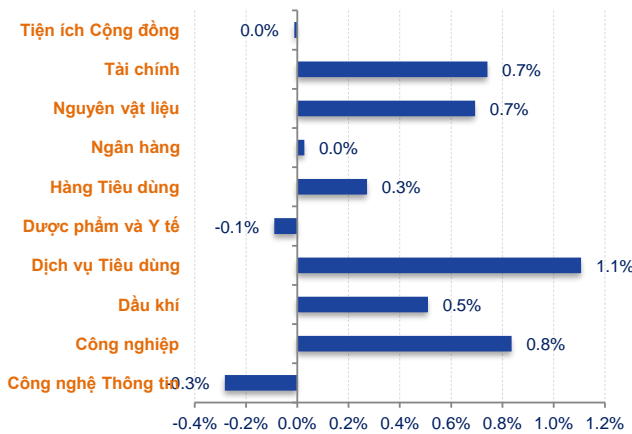
KLGD và VN-Index trong phiên



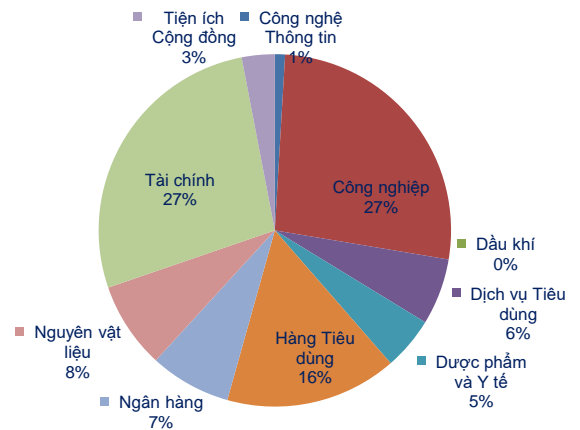
KLGD và HNX-Index trong phiên



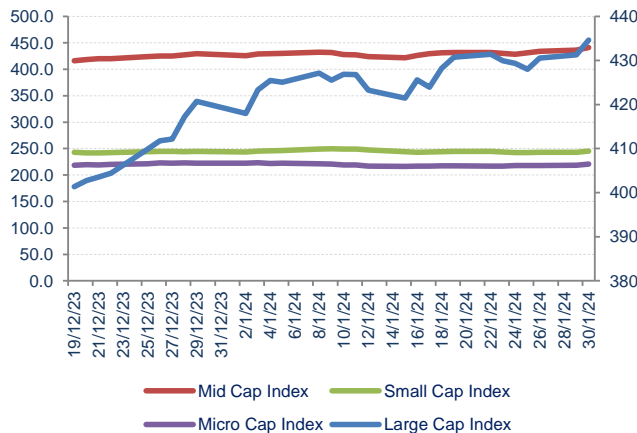
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



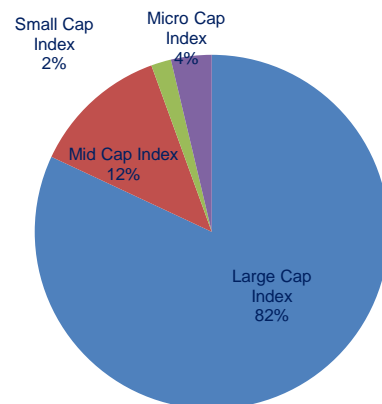
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



| HOSE | HNX |
|------|-----|
|------|-----|

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK    | KL bán ròng | TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|----------|-------------|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | STB   | 3,306,247   | VRE      | 6,075,355   | 1  | TNG   | 792,400     | MBS   | 181,600     |
| 2  | PC1   | 2,811,800   | KDC      | 1,701,900   | 2  | IDC   | 586,400     | TIG   | 138,470     |
| 3  | HSG   | 2,426,499   | FUESSV50 | 1,300,000   | 3  | PVS   | 351,965     | EVS   | 90,000      |
| 4  | PDR   | 1,824,100   | VNM      | 1,221,558   | 4  | DTD   | 166,900     | SHS   | 80,300      |
| 5  | HAG   | 1,385,012   | DXG      | 1,088,937   | 5  | LAS   | 133,400     | HTC   | 68,200      |

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD       | Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %       | KLGD      |
|-----|------------|----------|----------|------------|-----|------------|----------|---------|-----------|
| SHB | 12.30      | 12.30    | → 0.00%  | 22,356,200 | SHS | 18.30      | 18.40    | ↑ 0.55% | 5,980,664 |
| PC1 | 28.80      | 30.75    | ↑ 6.77%  | 20,138,700 | IDC | 51.30      | 53.70    | ↑ 4.68% | 5,273,503 |
| HPG | 28.00      | 28.00    | → 0.00%  | 17,621,200 | TNG | 19.60      | 20.50    | ↑ 4.59% | 4,750,672 |
| ACB | 25.95      | 25.95    | → 0.00%  | 15,322,650 | PVS | 36.90      | 37.20    | ↑ 0.81% | 4,421,841 |
| MBB | 22.15      | 22.10    | ↓ -0.23% | 14,585,100 | HUT | 19.50      | 19.70    | ↑ 1.03% | 3,373,589 |

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %       | Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %        |
|-----|------------|----------|------|---------|-----|------------|----------|------|----------|
| HBC | 8.58       | 9.18     | 0.60 | ↑ 6.99% | TMB | 48.00      | 52.80    | 4.80 | ↑ 10.00% |
| QNP | 36.55      | 39.10    | 2.55 | ↑ 6.98% | DTG | 26.00      | 28.60    | 2.60 | ↑ 10.00% |
| CCI | 22.30      | 23.85    | 1.55 | ↑ 6.95% | KSQ | 3.00       | 3.30     | 0.30 | ↑ 10.00% |
| TV2 | 39.00      | 41.70    | 2.70 | ↑ 6.92% | SDG | 18.30      | 20.10    | 1.80 | ↑ 9.84%  |
| DRC | 29.80      | 31.85    | 2.05 | ↑ 6.88% | HJS | 31.00      | 34.00    | 3.00 | ↑ 9.68%  |

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %        | Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %        |
|-----|------------|----------|-------|----------|-----|------------|----------|-------|----------|
| GTA | 15.95      | 14.85    | -1.10 | ↓ -6.90% | VDL | 17.40      | 15.70    | -1.70 | ↓ -9.77% |
| ST8 | 18.40      | 17.15    | -1.25 | ↓ -6.79% | LDP | 13.80      | 12.50    | -1.30 | ↓ -9.42% |
| FDC | 15.60      | 14.55    | -1.05 | ↓ -6.73% | VNT | 37.00      | 33.60    | -3.40 | ↓ -9.19% |
| RDP | 8.33       | 7.77     | -0.56 | ↓ -6.72% | PJC | 27.50      | 25.00    | -2.50 | ↓ -9.09% |
| PDN | 104.00     | 98.30    | -5.70 | ↓ -5.48% | NBW | 26.10      | 23.80    | -2.30 | ↓ -8.81% |

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã  | KLGD       | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| SHB | 22,356,200 | 15.9% | 2,036 | 6.0  | 0.9 |
| PC1 | 20,138,700 | 3.6%  | 814   | 35.4 | 1.1 |
| HPG | 17,621,200 | 1.9%  | 322   | 87.0 | 1.6 |
| ACB | 15,322,650 | 24.8% | 4,131 | 6.3  | 1.4 |
| MBB | 14,585,100 | 22.4% | 4,290 | 5.2  | 1.3 |

## Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã  | KLGD      | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|-------|-----|
| SHS | 5,980,664 | 5.7%  | 688   | 26.6  | 1.4 |
| IDC | 5,273,503 | 17.0% | 3,177 | 16.1  | 3.0 |
| TNG | 4,750,672 | 13.4% | 1,776 | 11.0  | 1.3 |
| PVS | 4,421,841 | 6.7%  | 1,846 | 20.0  | 1.3 |
| HUT | 3,373,589 | 0.8%  | 122   | 160.2 | 1.6 |

## Top Đột biến giá HOSE

| Mã  | +/-%   | ROE     | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|--------|---------|---------|------|-----|
| HBC | ↑ 7.0% | -146.3% | (7,611) | -    | 6.7 |
| QNP | ↑ 7.0% | 14.0%   | 2,779   | 13.2 | 1.8 |
| CCI | ↑ 7.0% | 9.5%    | 1,451   | 15.4 | 1.5 |
| TV2 | ↑ 6.9% | 5.6%    | 1,105   | 35.3 | 2.0 |
| DRC | ↑ 6.9% | 13.2%   | 2,085   | 14.3 | 1.9 |

## Top Đột biến giá HNX

| Mã  | +/-%    | ROE   | EPS    | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|-----|
| TMB | ↑ 10.0% | 58.1% | 19,930 | 2.4  | 1.2 |
| DTG | ↑ 10.0% | 14.3% | 2,500  | 10.4 | 1.3 |
| KSQ | ↑ 10.0% | 3.0%  | 265    | 11.3 | 0.3 |
| SDG | ↑ 9.8%  | 1.3%  | 593    | 30.9 | 0.4 |
| HJS | ↑ 9.7%  | 16.5% | 2,559  | 12.1 | 2.0 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã  | KL mua    | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|-------|-----|
| STB | 3,306,247 | 17.5% | 3,825 | 7.9   | 1.3 |
| PC1 | 2,811,800 | 3.6%  | 814   | 35.4  | 1.1 |
| HSG | 2,426,499 | 1.2%  | 216   | 105.5 | 1.3 |
| PDR | 1,824,100 | 7.3%  | 1,007 | 28.0  | 2.2 |
| HAG | 1,385,012 | 18.6% | 1,070 | 13.7  | 2.6 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã  | KL mua  | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| TNG | 792,400 | 13.4% | 1,776 | 11.0 | 1.3 |
| IDC | 586,400 | 17.0% | 3,177 | 16.1 | 3.0 |
| PVS | 351,965 | 6.7%  | 1,846 | 20.0 | 1.3 |
| DTD | 166,900 | 17.8% | 4,005 | 6.5  | 0.9 |
| LAS | 133,400 | 10.7% | 1,316 | 13.1 | 1.4 |

## Top Vốn hóa HOSE

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCB | 509,725 | 22.6% | 6,013 | 15.2 | 3.2 |
| BID | 277,611 | 17.6% | 3,450 | 14.1 | 2.1 |
| VHM | 182,013 | 25.0% | 9,468 | 4.4  | 1.0 |
| GAS | 175,930 | 19.0% | 5,283 | 14.5 | 2.3 |
| CTG | 173,451 | 15.7% | 3,377 | 9.6  | 1.3 |

## Top Vốn hóa HNX

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| PVS | 17,637  | 6.7%  | 1,846 | 20.0  | 1.3 |
| HUT | 17,404  | 0.8%  | 122   | 160.2 | 1.6 |
| IDC | 16,929  | 17.0% | 3,177 | 16.1  | 3.0 |
| SHS | 14,881  | 5.7%  | 688   | 26.6  | 1.4 |
| THD | 13,629  | 2.9%  | 460   | 77.0  | 2.2 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã  | Beta | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|------|-------|-------|-------|-----|
| DC4 | 2.84 | 15.8% | 1,946 | 6.0   | 0.9 |
| DXS | 2.63 | -1.9% | (269) | -     | 0.4 |
| VAF | 2.55 | 12.9% | 1,678 | 7.4   | 0.9 |
| VPG | 2.52 | -0.5% | (97)  | -     | 1.0 |
| NHA | 2.35 | 1.4%  | 143   | 116.7 | 1.6 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

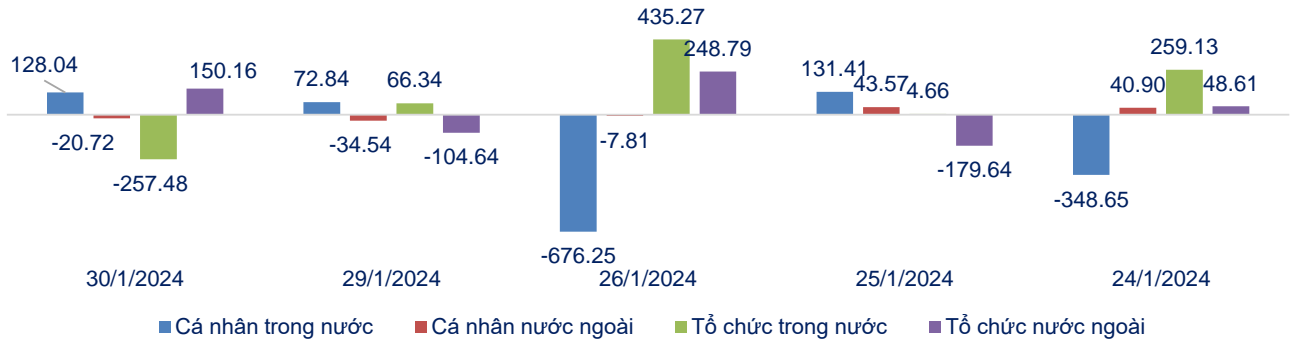
| Mã  | Beta | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------|-------|-------|------|-----|
| TSB | 2.39 | 5.3%  | 627   | 66.3 | 3.5 |
| DTD | 2.30 | 17.8% | 4,005 | 6.5  | 0.9 |
| VC2 | 2.29 | 2.2%  | 277   | 36.5 | 0.7 |
| VIG | 2.27 | 9.6%  | 685   | 11.1 | 1.0 |
| VC7 | 2.24 | 6.2%  | 553   | 23.3 | 1.1 |





THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VRE | 141.02  | 11.8% | 1,818 | 12.8 | 1.5 |
| KDC | 106.15  | 9.2%  | 2,655 | 23.3 | 2.1 |
| PC1 | 77.97   | 3.6%  | 814   | 35.4 | 1.1 |
| VNM | 62.45   | 24.4% | 4,029 | 16.6 | 4.1 |
| TCB | 52.79   | 14.7% | 5,118 | 6.9  | 0.9 |

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| STB | -125.08 | 17.5% | 3,825 | 7.9  | 1.3 |
| SSI | -64.46  | 8.9%  | 1,346 | 25.2 | 2.2 |
| KSB | -28.20  | 4.7%  | 1,210 | 24.0 | 1.1 |
| VCG | -27.89  | 2.8%  | 516   | 48.6 | 1.3 |
| HDB | -26.19  | 20.7% | 2,926 | 7.3  | 1.4 |

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| SAB | 1.75    | 16.5% | 3,286 | 17.6 | 1.4 |
| VCI | 0.84    | 7.1%  | 1,127 | 37.3 | 2.5 |
| VNL | 0.72    | 14.5% | 2,620 | 5.5  | 0.8 |
| HAH | 0.54    | 16.3% | 4,525 | 8.5  | 1.3 |
| DVP | 0.42    | 23.9% | 8,223 | 8.3  | 2.0 |

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| HDB | -4.01   | 20.7% | 2,926 | 7.3  | 1.4 |
| CTR | -3.86   | 29.0% | 4,346 | 21.2 | 5.8 |
| AST | -2.18   | 20.5% | 2,316 | 24.6 | 4.6 |
| TV2 | -1.93   | 5.6%  | 1,105 | 35.3 | 2.0 |
| VIC | -1.66   | 2.7%  | 977   | 43.7 | 1.1 |

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

| Mã       | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|----------|---------|-------|-------|------|-----|
| SSI      | 45.72   | 8.9%  | 1,346 | 25.2 | 2.2 |
| STB      | 24.19   | 17.5% | 3,825 | 7.9  | 1.3 |
| FUESSV50 | 22.89   | N/A   | N/A   | N/A  | N/A |
| KBC      | 20.52   | 7.6%  | 1,892 | 16.1 | 1.2 |
| VNM      | 19.37   | 24.4% | 4,029 | 16.6 | 4.1 |

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| PC1 | -162.48 | 3.6%  | 814   | 35.4  | 1.1 |
| PDR | -53.01  | 7.3%  | 1,007 | 28.0  | 2.2 |
| TCB | -52.79  | 14.7% | 5,118 | 6.9   | 0.9 |
| HSG | -51.81  | 1.2%  | 216   | 105.5 | 1.3 |
| SBT | -20.61  | 4.9%  | 675   | 20.1  | 1.0 |

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

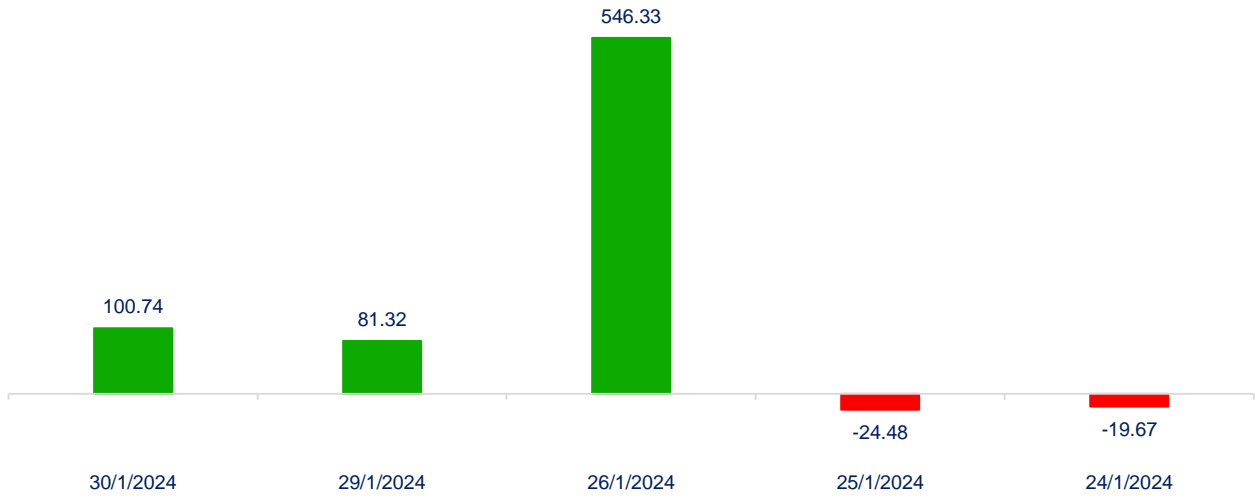
| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| STB | 100.83  | 17.5% | 3,825 | 7.9   | 1.3 |
| PC1 | 84.72   | 3.6%  | 814   | 35.4  | 1.1 |
| HSG | 57.32   | 1.2%  | 216   | 105.5 | 1.3 |
| PDR | 52.56   | 7.3%  | 1,007 | 28.0  | 2.2 |
| BCM | 37.19   | 2.5%  | 432   | 143.9 | 3.6 |

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

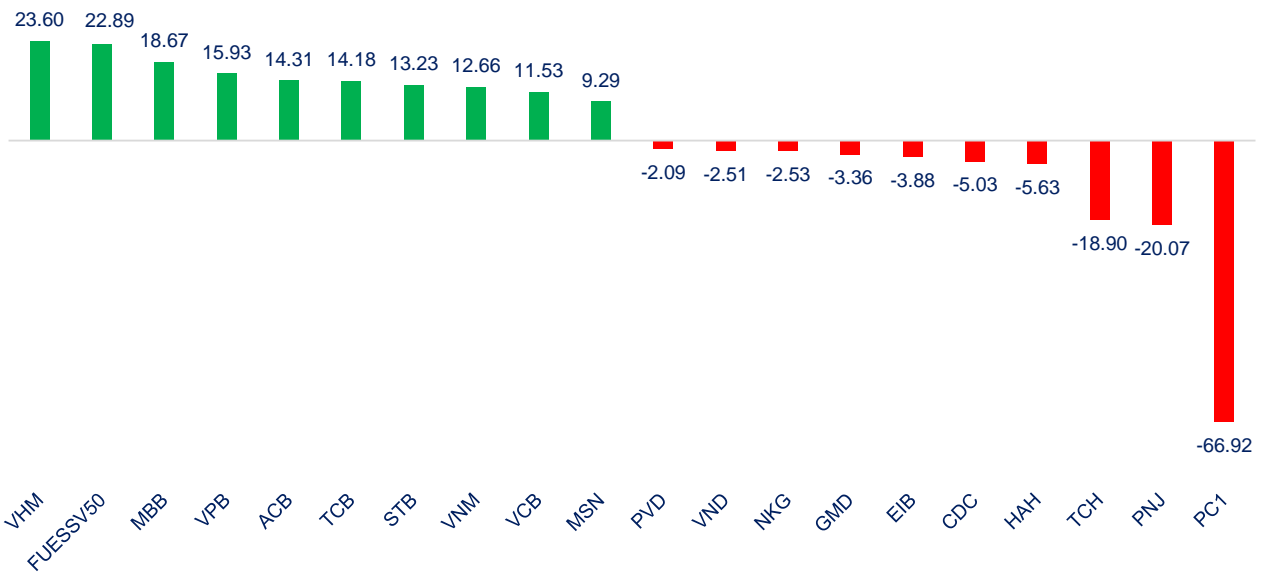
| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VRE | -141.60 | 11.8% | 1,818 | 12.8 | 1.5 |
| KDC | -106.20 | 9.2%  | 2,655 | 23.3 | 2.1 |
| VNM | -81.99  | 24.4% | 4,029 | 16.6 | 4.1 |
| VHM | -27.93  | 25.0% | 9,468 | 4.4  | 1.0 |
| MWG | -27.19  | 3.0%  | 476   | 93.7 | 2.8 |



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

#### Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)